

Bản án số: 62/2023/KDTM-ST

Ngày: 12-9-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2023/QĐST-KDTM ngày 10/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V.
Địa chỉ: Đường H, Phường H, Quận Đ, Tp. Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông N.T.P, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: toà nhà A, đường T, Phường D, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh

(Đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền số: 5585/2023/UQ-PGD, ngày 09/08/2023).

- Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S

Địa chỉ: Đường H, Phường P, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông N.V.H, sinh năm 1984 (Đại diện theo pháp luật) (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông N.V.H, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B.T, xã B.K, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà P.T.N.D, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B.T, xã B.K, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 08 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn có trình bày:*

1. Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S (sau đây gọi tắt là Công ty) đã ký Hợp đồng cho vay số H09/20578 ngày 08/12/2020, Ngân hàng cho Công ty vay số tiền 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu đồng); với thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng.

Từ ngày 08/12/2020 đến ngày 29/01/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu đồng), với khế ước nhận nợ như sau:

+ Khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020, số tiền vay 120.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 08/12/2020 đến ngày 08/6/2021; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, lắp đặt đá hoa cương, đá granit, đá nhân tạo các loại.

Lãi suất trong hạn là 21,4%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh được định kỳ 01 tháng một lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/01/2021.

Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả áp dụng với lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Bị đơn phải trả tiền lãi định kỳ một tháng một lần vào ngày 15. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/01/2021.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 08/6/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 12/9/2023, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 26.782.147 đồng (trong đó: 14.446.926 đồng tiền gốc và 12.335.221 tiền lãi). Hiện nay, bị đơn còn nợ số tiền 187.400.382 đồng (Trong đó 105.533.074 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 1.674.251 đồng, lãi quá hạn 79.793.713 đồng, lãi chậm trả: 379.344 đồng).

+ Khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021, số tiền vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 29/01/2021 đến ngày 29/7/2021; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, lắp đặt đá hoa cương, đá granit, đá nhân tạo các loại.

Lãi suất trong hạn là 21,4%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh được định kỳ 01 tháng một lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/3/2021.

Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả áp dụng với lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Bị đơn phải trả tiền lãi định kỳ một tháng một lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/02/2021.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 21/6/2021 toàn bộ số nợ của bị đơn đã chuyển thành nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 12/9/2023, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 169.233.704 đồng (trong đó: 143.171.340 đồng tiền gốc và 26.062.364 tiền lãi). Hiện nay, bị đơn còn nợ số tiền 483.680.048 đồng (Trong đó 256.828.660 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn 7.474.074 đồng, lãi quá hạn 217.710.493 đồng, lãi chậm trả 1.666.821 đồng).

2. Ngoài ra, công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S còn sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019, hạn mức là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 29,5%/năm, hạn mức thẻ là 60 tháng. Lãi suất thẻ tín dụng được điều chỉnh theo quy định của nguyên đơn trong từng thời kỳ, kể từ ngày 12/10/2019 lãi suất cho vay trong hạn là 32%/năm. Ngày quá hạn là 23/6/2021. Tạm tính đến ngày 12/9/2023, bị đơn còn nợ số tiền 103.599.879 đồng (trong đó tiền gốc là 47.482.815 đồng, tiền lãi là 56.117.064 đồng).

Khoản tín dụng cấp cho công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông N.V.H theo hợp đồng bảo lãnh số H09/20579 ngày 08/12/2020 và bà P.T.N.D theo Hợp đồng bảo lãnh H09/20580 ngày 08/12/2020 không có tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi, theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay số H09/20578 ngày 08/12/2020; Khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020; Khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021.

Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi với lãi suất 32%/năm đến khi bị đơn trả xong nợ thẻ tín dụng.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho nguyên đơn thì yêu cầu Tòa án:

+ Buộc ông N.V.H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký số H09/20579 ngày 08/12/2020.

+ Buộc ông bà P.T.N.D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu

trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký số H09/20580 ngày 08/12/2020.

2. Ông N.V.H là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 10/11/2022 và biên bản hòa giải ngày 25/11/2022 trình bày:

Ông H xác nhận giữa bị đơn và Ngân hàng có ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019 với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày. Ông thừa nhận số tiền bị đơn còn nợ của nguyên đơn, ông là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên ông xin trả trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 12/2022 và đồng ý với yêu cầu của ngân hàng yêu cầu tiếp tục trả lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn 150%/ lãi suất trong hạn tính trên dư nợ gốc đến khi trả hết nợ.

Ông H cũng xác nhận đồng thời cũng là người đứng ra ký hợp đồng bảo lãnh số: H09/20579 ngày 08/12/2020 với tư cách cá nhân nên nay ông đồng ý nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì ông chịu trách nhiệm trả hết số nợ cho Ngân hàng.

Riêng đối với Hợp đồng bảo lãnh số: H08/20580 ngày 08/12/2020: Bà D là vợ của ông, bà D hoàn toàn không biết và không ký vào hợp đồng, do Ngân hàng đưa hồ sơ cho ông và tự ông giả chữ ký và chữ viết của bà D để ký vào hợp đồng. Chính vì vậy ông sẽ tự chịu trách nhiệm bảo lãnh cho bị đơn, bà D không liên quan.

3. Bà P.T.N.D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 25/11/2022 và biên bản hòa giải ngày 25/11/2022 bà D trình bày:

Bà là vợ ông H nhưng bà hoàn toàn không biết đến khoản vay giữa Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V và Công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S.

Bà không biết và cũng không ký vào hợp đồng bảo lãnh số: H08/20580 ngày 08/12/2020, chữ ký và chữ viết trong hợp đồng bảo lãnh này ghi họ tên bà là giả mạo, không phải do bà viết tên và ký. Vì vậy bà hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà trả nợ thay cho bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn và bà P.T.N.D chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, ông N.V.H vắng mặt tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh và buộc ông N.V.H và bà P.T.N.D trả nợ thay cho bị đơn trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét giấy ủy quyền số: số: 5585/2023/UQ-PGD, ngày 09/08/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V ủy quyền cho N.T.P tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông P có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Bà P.T.N.D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông N.V.H vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. *Đối với yêu cầu trả nợ gốc:*

- Xét Hợp đồng cho vay số H09/20578 ngày 08/12/2020; Khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020; Khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021 và lời trình bày của ông H, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 520.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Tại khoản 2 Điều 1 của Khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020 các đương sự thỏa thuận: *Thời hạn vay sáu tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 08/12/2021 đến ngày 08/6/2021.*

Tại khoản 2 Điều 1 của Khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021 các đương sự thỏa thuận: *Thời hạn vay sáu tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 29/01/2021 đến ngày 29/7/2021.*

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Việc bị đơn không thanh toán nợ gốc đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng, vi phạm quy định của pháp luật. Mặc dù tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2022 ông H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng ý trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn nhưng ông xin trả trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 12/2022. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, đến nay đã quá thời hạn 06 tháng nhưng ông H vẫn chưa trả nợ gốc cho Ngân hàng nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc đối Khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020 với số tiền 105.553.074 đồng; Khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021 với số tiền 256.828.660 đồng là phù

hợp với quy định pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019 có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng.

Tại Điều 5 của hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: *Tự động ghi nợ thanh toán của khách hàng mở tại VP bank. Tỷ lệ thanh toán: Thanh toán số tiền tối thiểu.* Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm những điều khoản đã cam kết. Tính đến ngày 12/9/2023, bị đơn còn nợ số tiền gốc là 47.482.815 đồng, việc bị đơn không trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1]. *Đối với yêu cầu trả nợ lãi:*

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

- Tại khoản 4 Điều 1 của khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020, số tiền vay 120.000.000 đồng, các đương sự thỏa thuận lãi suất như sau:

Lãi suất trong hạn là 21,4%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh được định kỳ 01 tháng một lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/01/2021.

Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả áp dụng với lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Bị đơn phải trả tiền lãi định kỳ một tháng một lần vào ngày 15. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/01/2021. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 lãi trong hạn là 1.674.251 đồng, lãi quá hạn 79.793.713 đồng, lãi chậm trả: 379.344 đồng có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 13/9/2023 trên số tiền còn phải thi hành án cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số H09/20578 ngày 08/12/2020; Khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020.

- Tại khoản 5 Điều 1 của khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021, số tiền vay 400.000.000 đồng, các đương sự thỏa thuận lãi suất như sau:

Lãi suất trong hạn là 21,4%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng,

lãi suất cho vay được điều chỉnh được định kỳ 01 tháng một lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/3/2021.

Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả áp dụng với lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Bị đơn phải trả tiền lãi định kỳ một tháng một lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/02/2021. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 số tiền lãi là: lãi trong hạn 7.474.074 đồng, lãi quá hạn 217.710.493 đồng, lãi chậm trả 1.666.821 đồng có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 13/9/2023 trên số tiền còn phải thi hành án cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số H09/20578 ngày 08/12/2020 và Khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021.

- Tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019, hạn mức là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 29,5%/năm, hạn mức thẻ là 60 tháng. Lãi suất thẻ tín dụng được điều chỉnh theo quy định của nguyên đơn trong từng thời kỳ, kể từ ngày 12/10/2019 lãi suất cho vay trong hạn là 32%/năm.

Tại điểm g Điều 9 của hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng các bên thỏa thuận: *Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày liền kề trước ngày khách hàng thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.* Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 số tiền lãi là: 56.117.064 đồng có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 13/9/2023 trên số tiền còn phải thi hành án cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019.

[2.3]. *Đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:*

- Đối với hợp đồng bảo lãnh số: H09/20579 ngày 08/12/2020 ông H thừa nhận ông người đứng ra ký hợp đồng bảo lãnh với tư cách cá nhân nên nay ông đồng ý nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì ông tự chịu trách nhiệm trả hết số nợ cho Ngân hàng. Xét hợp đồng lãnh được ký kết giữa ngân hàng và ông H tuân thủ quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với Hợp đồng bảo lãnh số: H08/20580 ngày 08/12/2020: Bà D không thừa nhận việc đã ký hợp đồng bảo lãnh. Căn cứ kết quả giám định cho thấy, bà D chữ ký và chữ viết trong hợp đồng bảo lãnh hoàn toàn không phải là của bà D. Như vậy, hợp đồng bảo lãnh bị vô hiệu, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của bà D nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà D thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí không có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận đối với yêu cầu trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho nguyên đơn thì buộc bà P.T.N.D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký số H09/20580 ngày 08/12/2020 theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận về yêu cầu bị đơn trả nợ theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2023 đối với hợp đồng cho vay số H09/20578 ngày 08/12/2020 là: 671.080.430 (sáu trăm bảy mươi một triệu không trăm tám mươi ngàn bốn trăm ba mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 362.381.734 (ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi một ngàn bảy trăm ba mươi tư) đồng, lãi trong hạn là 9.148.325 (chín triệu một trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm hai mươi lăm) đồng, lãi quá hạn 297.504.206 (hai trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm lẻ bốn ngàn, hai trăm lẻ sáu) đồng, lãi chậm

trả là: 2.046.165 (hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi lăm) đồng.

Công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S còn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi kể từ ngày 13/9/2023 với lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng cho vay số H09/20578 ngày 08/12/2020; khế ước nhận nợ lần 1 số: H09/20578-... ngày 08/12/2020 và Khế ước nhận nợ lần 2 số: H09/20578-02 ngày 29/01/2021.

- Buộc Công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2023 đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019 số tiền là: 103.599.879 (một trăm lẻ ba triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn, tám trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 47.482.815 (bốn mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm mười lăm) đồng, tiền nợ lãi là 56.117.064 (năm mươi sáu triệu, một trăm mười bảy ngàn, không trăm sáu mươi tư) đồng.

Công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S còn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi kể từ ngày 13/9/2023 với lãi suất quy định giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/8/2019.

- Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho nguyên đơn thì buộc ông N.V.H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký số H09/20579 ngày 08/12/2020.

2) Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho nguyên đơn thì buộc bà P.T.N.D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký số H09/20580 ngày 08/12/2020.

4) Về án phí dân sự sơ thẩm: 34.987.212 (ba mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, hai trăm mười hai) đồng, công ty TNHH Xây dựng thương mại H.S chịu.

Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V số tiền 14.465.970 (mười bốn triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm bảy mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018967 ngày 28/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6) Các đương sự có thời hạn kháng cáo đối với bản án là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan